TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị P,** sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn T,** sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Tấn T do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 15 tháng 10

năm 2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp H nay là ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, đời sống không hạnh phúc. Chị và anh T không còn sống chung từ cuối năm 2019 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 23 tháng 11 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Thống nhất theo lời trình bày của chị P về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị P muốn đi làm anh cũng cho đi làm sau đó anh nói với chị P nghỉ làm về nhà chăm con thì chị P không đồng ý và đem con về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 02 tháng 10 năm 2020 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị Bùi Thị P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: đơn xin xác nhận của trạm y tế xã Phong Thạnh, đơn xin xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Phong Thạnh, 01 giấy chứng nhận kết hôn bản chính, 01 giấy khai sinh bản sao.

Bị đơn đã nộp: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản sao, giấy xác nhận về việc cho thuê đất, 01 bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tấn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do mai mối có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 15 tháng 10 năm 2014. Theo lời trình bày của chị P thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, đời sống không hạnh phúc. Theo anh T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị P muốn đi làm anh cũng cho đi làm sau đó anh nói với chị P nghỉ làm về nhà chăm con thì chị P không đồng ý và đem con về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 02 tháng 10 năm 2020 đến nay. Hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị P anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Con chung: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tấn T thống nhất xác định anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị P là có căn cứ chấp nhận bởi cháu Nguyễn Ngọc Thảo T đang được chị P chăm sóc rất tốt, chị P có thu nhập ổn định, nhà ở gần trường học. Xét yêu cầu nuôi con của anh T là không có căn cứ để chấp nhận vì anh T hiện làm nghề mua bán dừa thường xuyên đi làm không có ở nhà nên anh T không có điều kiện nuôi dưỡng con chung, anh T không cung cấp được các chứng cứ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên giao cháu Thảo T cho chị P chăm sóc tốt hơn.

Vì các căn cứ trên yêu cầu nuôi con của anh T không được chấp nhận. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tấn T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tấn T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị P.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

[2] Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo T, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho chị Bùi Thị P nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tấn T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tấn T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0008654 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui